

Tân Việt, ngày 2 tháng 9 năm 2022

CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2022-2023
(theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hạng mục công trình Cấp Tiểu học

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	X		
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh			Không
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh			Không
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m ² /học sinh			Không
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	X		
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m ² /học sinh	X		
1.7	Phòng đa chức năng	1,50m ² /học sinh			Không
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	x		
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng			25m ²
2.3	Phòng tư vấn học đường	24m ² /phòng	x		
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh	x		
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	x		
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	x		
3.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng	x		
3.3	Nhà kho	48m ² /kho			25m ²
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp			Thiếu

3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	X		không đủ diện tích
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	-			Không
3.7	Phòng giáo viên	-	x		
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh	X		
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh	X		
4.3	Nhà đa năng	-			Không
5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.1	Nhà bếp	0,30m ² /học sinh			không
5.2	Kho bếp				không
5.3	Nhà ăn	0,65m ² /chỗ			không
5.4	Nhà ở nội trú	4m ² /chỗ			không
5.5	Phòng quản lý học sinh	9m ² /phòng			không
5.6	Phòng sinh hoạt chung	-			không

- Hạng mục công trình khối THCS

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,50m ² /học sinh	X		
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	2,25m ² /học sinh			Không có
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	2,25m ² /học sinh			Không có
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	2,25m ² /học sinh	X		
1.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	1,85m ² /học sinh	X		
1.6	Phòng học bộ môn Tin học	1,85m ² /học sinh	X		
1.7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,85m ² /học sinh	X		
1.8	Phòng đa chức năng	1,85m ² /học sinh			Không có

1.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	-			Không có
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	X		
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng			25m ²
2.3	Phòng tư vấn học đường	24m ² /phòng	x		
2.4	Phòng Đoàn, Đội	0,03m ² /học sinh	X		
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	X		
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	X		
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	30m ² /phòng	X		
3.3	Phòng y tế trường học	24m ² /phòng	X		
3.4	Nhà kho	48m ² /kho			20m ²
3.5	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy	X		
3.6	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	X		
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-			Không có
3.8	Phòng giáo viên	-	X		
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh	X		
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh	X		
4.3	Nhà đa năng	-			không
5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.1	Nhà bếp	0,30m ² /học sinh			không
5.2	Kho bếp				không
5.3	Nhà ăn	0,75m ² /chỗ			không
5.4	Nhà ở nội trú	4m ² /chỗ			không
5.5	Phòng quản lý học sinh	9m ² /phòng			không
5.6	Phòng sinh hoạt chung	0,20m ² /học sinh			không
5.7	Nhà văn hóa	-			không

Trang thiết bị phục vụ học tập

ST		Đơn vị	Số	Hiện trạng	
----	--	--------	----	------------	--

T	Tên thiết bị	tính	lượng	Còn sử dụng được	Hỏng	Nhu cầu
1	Máy tính bàn phòng tin TH	Bộ	24	22	02	
2	Máy tính bàn phòng tin THCS	Bộ	24	14	10	10
3	Máy chiếu	Bộ	15	12	03	
4	Máy chiếu đa vật thể	Bộ	02	01	01	
5	Tivi màn hình rộng	Cái	13	13	0	4
6	Máy tính xách tay	Cái	07	03	03	1
7	Máy tính văn phòng	Bộ	09	07	02	2
8	Máy tính phòng chờ	Bộ	02	01	01	1
9	Máy in văn phòng	Cái	08	06	02	2
10	Máy in phòng chờ giáo viên	Cái	02	02		
11	Máy tính bảng	Cái	20	10	10	10
12	Bục giảng thông minh	Cái	02	01	01	
13	Wifi, mạng internet	Bộ	06	06		
14	Phần mềm quản lý, học tập	Bộ	04	04		
15	Đài, radio	Cái	02	02		01 loa
16	Băng đĩa	Bộ	01	01		Đĩa Ta
17	Điều hòa phòng chức năng	Cái	15	15		
18	Điều hòa phòng học sinh TH	Cái	20	20		
19	Điều hòa phòng học sinh THCS	Cái	12	12		
20	Điều hòa phòng Thư viện	Cái	0			6
21	Điều hòa phòng Y tế	Cái	0			2
22	Điều hòa phòng Đoàn đội	Cái	0			1

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thiên Hương